

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng

03679

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC (LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10QLDT (Quản lý đất đai Đồng Tháp)

Môn Học Toán cao cấp C1 (202114-08)

CBGD Hoàng Quốc Công (T487)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên																		
1	10224101	PHẠM HOÀNG ANH		✓		1	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
2	10224102	VÕ THỊ NGUYỆT ANH		✓		2	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
3	10224117	NGUYỄN THANH HIẾU		5	<i>Hoàng Anh</i>	3	V	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10						
4	10224137	TRỊNH THANH NHÂN		5	<i>Trình Thanh Nhân</i>	4	V	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10						
5	10224138	HUỖNH CHIẾN NHÂN		✓		5	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
6	10224144	NGUYỄN THỊ NƠ		✓		6	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
7	10224149	HUỖNH HỒNG PHÚC		5	<i>Hồng Phúc</i>	7	V	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10						
8	10224150	BÙI HỮU PHƯỚC		5	<i>Bùi Hữu Phước</i>	8	V	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10						
9	10224151	HỒ HỮU PHƯỚC		5	<i>Hồ Hữu Phước</i>	9	V	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10						
10	10224152	TRẦN MINH QUANG		5	<i>Trần Minh Quang</i>	10	V	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10						
11	10224153	NGUYỄN THANH SANG		5	<i>Nguyễn Thanh Sang</i>	11	V	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10						
12	10224154	TRẦN THANH SƠN		5	<i>Trần Thanh Sơn</i>	12	V	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10						
13	10224158	HUỖNH VĂN TÂN		5	<i>Huỳnh Văn Tân</i>	13	V	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10						
14	10224165	NGUYỄN XUÂN THẢO		✓		14	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
15	10224167	TRẦN VĂN THIÊN		✓		15	●	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
16	10224173	NGUYỄN TẤN TRÍ		5	<i>Nguyễn Tấn Trí</i>	16	V	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10						
17	10224174	MAI VĂN TRIỆP		5	<i>Mai Văn Triếp</i>	17	V	0	1	2	3	4	●	6	7	8	9	10						
						18	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						19	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						20	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						21	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						22	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						23	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						24	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						25	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						26	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						27	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						28	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						29	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						30	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						31	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						
						32	V	0	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10						

Số bài: 11 Số tờ: 11 Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 11 tháng 11 năm 2011

Th. S. NGÔ THIÊN

Th. S. NGÔ THIÊN

Th. S. NGÔ THIÊN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 03681

Trang 1/1

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC (LẦN 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10QLDT (Quản lý đất đai Đồng Tháp)

Môn Học Anh văn 1** (213601-33)

CBGD Huỳnh Thị Cẩm Loan (T38)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10224101	PHẠM HOÀNG ANH				1 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10224102	VÕ THỊ NGUYỆT ANH				2 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10224109	VÕ VĂN HÀ		<i>Volcan</i>	5	3 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10224138	HUỲNH CHIẾN NHÂN				4 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10224144	NGUYỄN THỊ NỜ				5 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10224149	HUỲNH HỒNG PHÚC		<i>Phúc</i>	6	6 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10224155	DƯƠNG THÀNH TÂM		<i>Thành</i>	6	7 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10224158	HUỲNH VĂN TÂN		<i>Văn Tân</i>	6	8 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10224160	TRƯƠNG DUY TÂN		<i>Trương Duy Tân</i>	6	9 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10224163	BÙI NHỰT THÀNH		<i>Bùi Nhựt</i>	6	10 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10224164	NGUYỄN NGỌC PHƯỚC THÀNH		<i>Phước</i>	5	11 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10224165	NGUYỄN XUÂN THẢO		<i>Xuân</i>		12 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10224167	TRẦN VĂN THIÊN				13 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10224168	TRẦN HỒNG THO		<i>Tho</i>	6	14 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10224169	BÙI HỮU THUẤN		<i>Hữu Thuận</i>	5	15 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10224173	NGUYỄN TẤN TRÍ		<i>Tấn Trí</i>	5	16 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10224174	MAI VĂN TRIẾT		<i>Triết</i>	5	17 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10224175	LÊ VĂN TRUNG		<i>Trung</i>	5	18 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10224176	PHAN THÀNH TRUNG		<i>Phan Thành</i>	6	19 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10224178	VÕ NHỰT TRƯỜNG		<i>Nhựt Trường</i>	6	20 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10224181	NGÔ HOÀNG VŨ		<i>Ngô Hoàng Vũ</i>	5	21 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10224182	PHAN THỊ KIM YẾN		<i>Kim Yến</i>	6	22 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23						23 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24						24 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25						25 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26						26 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 16 Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 17 tháng 12 năm 2011

Nguyễn Thị Cẩm Loan
Nguyễn Thị Cẩm Loan

Nguyễn Thị Cẩm Loan
Nguyễn Thị Cẩm Loan

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC (Lần 2)

Học Kỳ 2 - Năm Học 10-11

Lớp: TC10QLDT (Quản lý đất đai Đồng Tháp)
Môn Học Tin học đại cương (214101-09)
CBGD Trần Minh Hào (T204)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	S.Từ	Chữ ký SV	Điểm	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên
1	10224101	PHẠM HOÀNG ANH			✓	1 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
2	10224102	VÕ THỊ NGUYỆT ANH			✓	2 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
3	10224107	TRẦN HOÀNG GIANG			6	3 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
4	10224109	VÕ VĂN HÀ			5	4 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
5	10224111	NGUYỄN HỮU HÀO			5	5 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
6	10224112	TRẦN THANH HÀO			5	6 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
7	10224122	HUỲNH PHI HÙNG			5	7 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
8	10224137	TRỊNH THANH NHÀN			5	8 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
9	10224138	HUỲNH CHIẾN NHÀN			✓	9 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
10	10224139	NGUYỄN TRỌNG NHÀN			6	10 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
11	10224143	VÕ MINH NHỰT			5	11 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
12	10224144	NGUYỄN THỊ NGỠ			✓	12 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
13	10224151	HỒ HỮU PHƯỚC			5	13 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
14	10224160	TRƯƠNG DUY TÂN			5	14 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
15	10224163	BÙI NHỰT THÀNH			6	15 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
16	10224165	NGUYỄN XUÂN THẢO			5	16 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
17	10224166	NGUYỄN THANH THIÊN			5	17 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
18	10224167	TRẦN VĂN THIÊN			✓	18 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
19	10224168	TRẦN HỒNG THO			6	19 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
20	10224169	BÙI HỮU THUẬN			5	20 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
21	10224170	BÙI VĂN THUẬN			5	21 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
22	10224171	PHAN BẢO TOÀN			5	22 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
23	10224174	MAI VĂN TRIẾT			6	23 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
24	10224177	TRẦN TẤN TRUNG			5	24 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
25	10224178	VÕ NHỰT TRƯỜNG			5	25 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
26	10224179	LÂM ĐỨC TUẤN			6	26 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
27						27 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
28						28 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
29						29 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
30						30 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
31						31 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10
32						32 (V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10

Số bài: 20 Số tờ:

Cán bộ coi thi 1&2

Duyệt của Trưởng Bộ môn

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày 4 tháng 12 năm 2010

(Signature)

(Signature)

Trần Minh Hào *(Signature)*